

Giới thiệu tập bản đồ cổ quý hiếm của Việt Nam thế kỷ XV

Nguyễn Văn Trường^(*)

Tóm tắt: Một tập gồm 24 tờ bản đồ nằm trong công trình *Nghiên cứu Bản đồ các cửa sông, hải cảng Việt Nam thế kỷ XV* (Étude sur un portulan annamite du XVe siècle) của học giả người Pháp G. Dumoutier viết bằng tiếng Pháp, thực hiện xong tháng 8/1895. Toàn bộ công trình nghiên cứu được đăng tải trên tạp chí “Địa lý lịch sử và mô tả”, số 2/1896 (Bulletin de géographie historique et descriptive, No2 - 1896) được đánh giá cao và tác giả G. Dumoutier đã được nhận giải thưởng “Jomard” của Hiệp hội Địa lý năm 1897. Đây là tập bản đồ quý hiếm, rất ít người biết và tiếp cận được một cách đầy đủ, có lẽ vì người Pháp nghiên cứu, đăng tải trên tạp chí bằng tiếng Pháp quá sớm và cũng vì nó không còn ở Việt Nam.

Theo GS. Trần Nghĩa, nguyên Viện trưởng Viện Hán Nôm, tập bản đồ này chỉ còn được lưu giữ ở Pháp mang mã số Paris.BN.G FF.3677. Nhóm tác giả sách *Hồng Đức bản đồ* (Bửu Cầm, Đỗ Văn Anh, Phạm Huy Thúc..., Sài Gòn, Bộ Quốc gia Giáo dục, 1962, tr.XII) cho biết không tìm thấy tập bản đồ này ở các thư viện tại Sài Gòn. Tuy nhiên, chúng tôi hiện đang có một tập dưới dạng trích in từ tạp chí nêu trên toàn bộ phần nghiên cứu và 24 tờ bản đồ nhờ người bạn từ Pháp mua tặng và cũng thấy tập bản đồ này được đính kèm như một tập phụ lục của công trình nghiên cứu đăng trên tạp chí *Địa lý lịch sử và mô tả*, số 2 năm 1896 đang lưu giữ ở Thư viện KHXH, Viện Thông tin KHXH tại Hà Nội.

Từ khóa: Bản đồ cổ, Portulan annamite du XVe siècle, Việt Nam, Thế kỷ XV, G. Dumoutier

Gần đây, trong quá trình sưu tập các loại tư liệu liên quan đến lịch sử biển Đông và hải đảo, chúng tôi có được công trình *Nghiên cứu Bản đồ các cửa sông, hải cảng Việt Nam thế kỷ XV*,

trong đó có tập bản đồ cổ của Việt Nam thế kỷ XV được trích từ tạp chí *Địa lý lịch sử và mô tả*, số 2 năm 1896, in thành một ấn phẩm riêng biệt và chúng tôi cũng thấy ở Thư viện KHXH, Viện Thông tin KHXH cả hai dạng: ấn phẩm in riêng và phần đăng trên tạp chí nêu trên.

^(*) Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội;
E-mail: truongminhdungphuong@yahoo.fr

24 tờ bản đồ nối tiếp từ Kinh thành Thăng Long đến cố đô Vương quốc Champa cùng với các phụ lục là *Hành trình đường bộ* và *Hành trình đường thủy* mà theo tác giả: “Đây là một tài liệu quân sự, được thiết lập dựa trên các thông tin thu thập được vào khoảng cuối thế kỷ XV của các phái viên do vua Lê Thánh Tông cử đi mật thám để vẽ chuẩn bị cho việc thôn tính Champa được thuận lợi” (G. Dumoutier, 1895, tr.1).



**Khu vực Thành Thăng Long
và phụ cận, thế kỷ XV**

Hình thức tập bản đồ

Tập bản đồ được đóng kèm như một phụ lục sau phần *Nghiên cứu Bản đồ các cửa sông, hải cảng Việt Nam thế kỷ XV* của G. Dumoutier. Bản đồ in màu, nét vẽ và các chú giải giản đơn, toàn trang thông thoáng dễ xem hình, dễ đọc chữ. Nếu *Hồng Đức Bản đồ* là âm bản vì có nền đen, nét chữ và nét vẽ màu trắng thì tập bản đồ này thực là dương bản bởi

nền màu vàng nhạt, sáng, nổi lên trên là chữ sắc nét màu đen và thể hiện núi, rừng, sông, suối, kho, xưởng bằng những màu xanh, nâu đậm nhạt khác nhau.

Trên 24 tờ bản đồ, G. Dumoutier đã đánh số la mã thứ tự từ I đến XXIV và cũng đánh những số latin tương ứng kê sát với các địa danh, chỉ dẫn được ghi bằng chữ Hán hoặc Nôm trên mỗi bản đồ. Tương ứng với mỗi bản đồ, có một bảng danh sách các địa danh, chỉ dẫn được đọc, phiên âm và dịch từ chữ Hán ra chữ quốc ngữ để người đọc dễ đối chiếu.

Tuy nhiên, G. Dumoutier đã lập 25 bảng danh sách các địa danh, chỉ dẫn (đánh số latin) tương ứng với 25 bản đồ (đánh số la mã). Trong đó, bảng danh sách các địa danh, chỉ dẫn số 25 chỉ có một dòng ghi chữ “Xiêm Thành” và giải nghĩa “Xiêm Thành - thành phố nước Xiêm (kinh đô Champa)” với một số tương ứng duy nhất là 669 mà không có tờ bản đồ số XXV trong tập bản đồ (thiếu 01 bản đồ số XXV).

Giá trị của tập bản đồ

Mặc dù những bản đồ này là cơ sở chính cho công trình *Nghiên cứu Bản đồ các cửa sông, hải cảng Việt Nam thế kỷ XV* của G. Dumoutier nhưng trong đó không chỉ có bản đồ các cửa sông, hải cảng của nước Đại Việt dọc từ Bắc miền Trung đến Chà Bàn, cố đô Champa (tỉnh Ninh Thuận ngày nay) mà còn có bản đồ của một số tỉnh nằm sâu trong nội địa có trục đường cái quan đi qua làm điểm nhận biết và rất nhiều địa danh, tên gọi của các làng xã xưa kia, cùng rất nhiều thông tin như kho, xưởng, mỏ quặng, sông, núi... của nước Đại Việt.

Tuy cả tập bản đồ và trên từng tờ riêng lẻ không ghi tên bản đồ, tên tác

giả và cũng không có niên đại nhưng trong phần lời giới thiệu công trình nghiên cứu của mình, G. Dumoutier viết rằng trong Đại Việt sử ký có ghi về các bản đồ này như sau: “Tháng hai năm Tân Mão, mùa xuân, năm Hồng Đức thứ hai [1471], vua Thánh Tôn phái nhiều đạo quân đến đóng quân ở Đô Bá rồi bắt vua Chăm tên là Trà Toàn. Khi họ đi đến sông Thuận Hóa, vua cho dựng trại và tập trận trên bộ cũng như trên chiến thuyền. Rồi giao cho một thổ dân tên là Nguyễn Vũ đi thu thập các yếu tố cần thiết để lập bản đồ vương quốc Xiêm^(*)”. G. Dumoutier cho biết thêm: “Tập bản đồ của chúng ta hoàn toàn không ghi ngày tháng cuộc tấn công tiến hành năm 1471, nhưng phải sau khi phá tan Chà Bàn, thành phố này trở nên đổ nát rồi kinh đô được chuyển về Bình Thuận. Sử ký còn cho chúng ta biết những bản đồ Champa được hoàn thiện sau một vài năm, sau khi tổ chức vùng này thành một tỉnh của nước Đại Việt - năm 1477, dựa trên những thông tin do các quan triều chính đầu tỉnh gửi lên” (G. Dumoutier, 1895, tr.2). Theo đó, G. Dumoutier xác định năm tháng ấy và các sự kiện nêu trên có thể tin cậy để đặt niên đại đầu tiên cho tập bản đồ này.

Một điều lý thú và khá quan trọng nữa mà G. Dumoutier phát hiện là trên tờ bản đồ số XVII, địa phận phủ Triệu Phong (thuộc miền Trung ngày nay) chưa có địa danh mang tên thành phố Huế (xem bản đồ XVII), điều này khiến người ta phải có cái nhìn và đánh giá lại về niên đại của bản đồ. Theo G. Dumoutier, khi đó kinh đô của An Nam thuộc vào chính quyền người Chăm và bị

phá hủy hoàn toàn ngày 29/3/1371. Nó không còn xuất hiện trong thế kỷ tiếp theo nữa, nhưng địa phận này vẫn có một vị trí quan trọng và có chức năng như một trung tâm cung cấp quân nhu cho các đạo quân miền biên giới. Đây là nơi về sau xây dựng thành phố Huế, trên tập bản đồ được thể hiện là một hệ thống hào lũy hình bán nguyệt mà hai phía đầu đều tựa sông, doanh trạm cung cấp quân nhu (n°475), chợ họp bên ngoài doanh trạm (n°475), huyện Trà Ân (n°473). Về phía thượng lưu, giữa doanh trạm và núi có nhiều kho, xưởng vật liệu xây dựng (n°469), có thể là kho chứa gỗ và voi trạm (n°470).

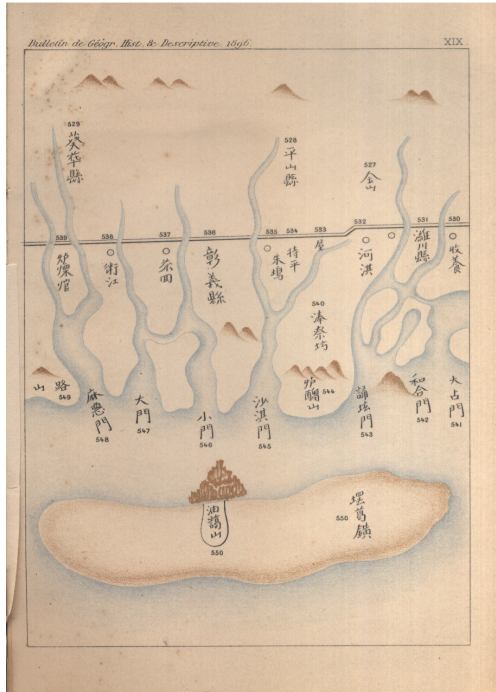


Bản đồ XVII - Vùng đất xưa chưa có tên thành phố Huế

Về bản đồ biển đảo, G. Dumoutier cho biết: “[...] Cảng đầu tiên xuất hiện ngay trên tờ Bản đồ số XIX của tập bản đồ được ghi tên Đại Xiêm Môn (Cảng

(*) Chiêm Thành (Chú thích - NVT).

Đại Xiêm - n°541). Đó là cảng Fai-Fo (Hội An), dải đất có tên gọi này ngày nay là huyện Duy Xuyên (n°531). Nó được gọi trên bản đồ là Cửa Đại, cũng có nghĩa là Cửa Lớn. Người ta thường nói Cửa Đại, nhưng đó chỉ là một nửa chữ, tên đầy đủ là Cửa Đại Xiêm.



Bản đồ XIX trong tập bản đồ

Bản đồ của người Việt thường bị rút ngắn, bởi vì chúng ta thấy ngay mũi Bàn Khôi, án ngữ ngay cảng Ban Cầu nguyên (Tụng Đan Môn - n°543) và cảng Hòa Hợp (Hòa Hợp Môn - n°542), nơi hợp lưu của nhiều sông, suối đổ về thủ phủ của huyện Duy Xuyên (n°531). Cảng tiếp theo là mũi Bantam^(*) (Bàn Than). Đó là

^(*) Bộ sưu tập *Sự giàu có trên thuộc địa của chúng ta 1900-1905 (Nos richesses coloniales 1900-1905)*, Louis Laurent, G. Darboux, Edouard Heckel (1906, p.283) cho biết: “Giữa hai mũi Bantam và Batangan có một số vịnh, vũng rất

bến cảng nhiều cát (Sa Kỳ Môn - n°545) và được hình thành do sông từ huyện Bình Sơn (n°528) chảy xuống.

Một bãi cát nổi, rộng lớn, với ngọn núi đá có tên là Du Ai Sơn (Núi có dầu chất lượng tốt - *Bonne huile*), đứng ở phía dưới cùng của Bản đồ XIX. Đó cũng là đảo Đại Xiêm của các bản đồ.

Người ta có thể thấy ở các chỉ dẫn hàng hải mà việc chuyển ngữ theo tài liệu lạ của chúng tôi đang nghiên cứu là dải cát này trải dài “từ cảng Đại Xiêm đến cảng Hoàng Sa, đo được 500-600 li^(*) chiều dài và 30-40 li chiều rộng, nó là mối nguy hiểm thường trực cho các tàu thuyền đi trên vùng biển này, nhiều tàu thuyền thường xuyên gặp nạn. Hàng năm, khoảng tháng 12, nhiều người đến đây để thu lượm những gì họ tìm thấy trong xác những con tàu gặp nạn” (Xem Bản đồ XIX). Chỉ có một tên được gọi là Núi Dầu cho núi đá mà chân dãy núi này cắm sâu trong nước biển duyên hải miền Trung. Tên gọi này được chú giải là trên dải cát có nhiều rùa biển và người Nam Việt xưa đã làm được một trung tâm sản xuất dầu ở đây [...]”.

Cho đến nay, rất ít người biết và tiếp cận được tập bản đồ một cách đầy đủ, có lẽ vì tập bản đồ này chỉ toàn chữ Hán hoặc chữ Nôm được người Pháp

khó bảo vệ, và đảo lớn Cù Lao Chàm nổi lên vươn ra xa chịu những cơn sóng to, gió lớn vỗ đập, như một “tiền tiêu” trước biển của khu vực miền Trung. Bantam ở phía Nam của mũi Batangan”, https://en.wikipedia.org/wiki/Batangan_Peninsula. Đối chiếu với bản đồ quân sự hiện hành cho thấy mũi Bantam có tên Việt là Bàn Than, ở phía Nam của mũi Batangan có tên Việt là Ba Làng An (cách gọi chung ba làng có tên “An” là: Vân An, An Chuẩn, An Hải thuộc xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi).

^(*) Đơn vị đo: li = lý = dặm = 576 mét đơn vị đo cũ (Trung Quốc) (Theo: Từ điển Pháp Việt, 2001, tr.677).

nghiên cứu, đăng tải trên tạp chí bằng tiếng Pháp quá sớm. Nhóm tác giả sách *Hồng Đức bản đồ* cho biết: “Chúng tôi không tìm được tập san^(*) này nhưng tại thư viện của Société des études indochinoises (viện Bảo tàng Sài Gòn) có một bản in riêng của bài khảo cứu đó. Theo bài này thì tác giả có cho họa, in lại (fac-similé) những bản đồ nhưng không may những bản họa in không còn thấy kèm theo nữa” (Bửu Cầm, Đỗ Văn Anh, Phạm Huy Thúc..., Sài Gòn, Bộ Quốc gia Giáo dục, 1962). Cũng nhân dịp công bố lại hai tập *Thiên Nam Tứ chí Lộ đồ thư* và *Giáp Ngọ niên biểu Bình Nam đồ* nằm chung trong bộ sách có tên *Hồng Đức bản đồ*, GS. Trần Nghĩa đưa ra khái niệm “bản đồ cổ” được hiểu như là loại bản đồ vẽ theo lối truyền thống, trước khi ngành khoa học bản đồ chính thức thành lập, và ông cũng cho biết “Bản đồ các hải cảng (Portulan) đang được lưu giữ ở Pháp, có ký hiệu Paris.BN.G FF.3677 thuộc loại vẽ tay, bản đồ màu, chưa xác định được niên đại, 24 hải cảng (bản đồ) Việt Nam, trong một tập bản đồ hải cảng nhiều nước” (Trần Nghĩa, 2014, tr.8). GS. Hoàng Xuân Hãn khi viết về Quần đảo Hoàng Sa cũng đã nghiên cứu tám bản đồ XIX và có đăng cả bản vẽ lại bản đồ XIX của G. Dumoutier trong tập bản đồ này và ghi chú ở dưới là “Bản đồ đường qua Quảng Nam đời Lê, theo bản vẽ lại của G. Dumoutier”. Đồng thời GS. Hoàng Xuân Hãn cũng chỉ rõ, bản vẽ lại tuy cùng gốc với tập bản đồ nhưng có nhiều chi tiết hơn: có chữ quốc ngữ “Bãi Cát Vàng” và “Đảo Du Trường”. Về phần nghiên cứu Quần đảo Hoàng Sa, GS. Hoàng Xuân Hãn nhận định rằng

“trong ý địa-đồ-gia xưa các chữ Đại Tràng-sa, hay là Bãi Cát-vàng đều trở quần đảo Tràng-sa hoặc Hoàng-sa, hoặc Vạn-lý Tràng-sa mà người Âu gọi là Parcel hay Paracel. Và trong các địa đồ của Âu-châu đang thời khi vẽ Paracel cũng vẽ như một bãi cát rất dài chắn trước hải-phận phần giữa nước ta” (Hoàng Xuân Hãn, 1975, tr.7-15). Rất tiếc, GS. Hoàng Xuân Hãn không cho biết rõ là G. Dumoutier có vẽ lại bao nhiêu bản, các bản gốc và bản vẽ lại đang nằm ở đâu.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chưa thể giới thiệu toàn bộ 24 tấm bản đồ nêu trên. Ở những bài viết sau, chúng tôi sẽ giới thiệu lần lượt trọn cả công trình và bản đồ kèm theo □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bửu Cầm, Đỗ Văn Anh, Phạm Huy Thúc..., Sài Gòn, Bộ Quốc gia Giáo dục (Lời giới thiệu) (1962), *Hồng Đức Bản đồ*, Tủ sách Viện Khảo cổ, số III.
2. G. Dumoutier (1895), *Nghiên cứu Bản đồ các cửa sông, hải cảng Việt Nam thế kỷ XV (Etude sur un portulan annamite du XV siècle)*, Imprimerie Nationale, M DCCC XCVI, Paris.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, BKKII- Kỷ Nhà Lê* (1993), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Hoàng Xuân Hãn (1975), “Quần Đảo Hoàng Sa”, Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa, *Sử địa tập san*, số 29.
5. Trần Nghĩa (2014), “Bản đồ cổ Việt Nam”, Chuyên đề sử liệu Việt Nam: Thiên Nam Tứ chí Lộ đồ thư và Giáp Ngọ niên biểu Bình Nam đồ, *Tạp chí Nghiên cứu và phát triển*, số 2 (109).
6. *Từ điển Pháp Việt* (2001), Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

^(*) *Địa lý lịch sử và mô tả*, số 2 năm 1896 (Chú thích: NVT).